

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Châu

2/ Bà Nguyễn Thị Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Nhận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lang Thị T - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Th, tỉnh Thanh Hoá

2. Bị đơn: Anh Tống Duy T - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên tòa vắng mặt anh T; chị T xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lang Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Tống Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới vào tháng 02/2012 và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/6/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống

hạnh phúc đến tháng 12/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường say rượu và đánh đập chị, vợ chồng chung sống không hợp nhau hai bên đã khắc phục nhưng không được. Từ tháng 12/2012 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Tống Duy T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu:

Lang Thị Bích Nh - Sinh ngày: 27/10/2012.

Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng. Hiện nay chị làm nông nghiệp thu nhập 6.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 03/7/2020 và trong quá trình giải quyết anh Tống Duy T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh với chị Lang Thị T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 19/6/2012 tại UBND xã H, huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị T đòi lên nhà ngoại nhưng anh không cho đi và từ đó bất đồng quan điểm, nhiều lần khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, từ tháng 12/2012 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn nguyện vọng anh cũng đồng ý vì xét thấy T cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng xin được ly hôn chị Lang Thị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu:

Lang Thị Bích Nh - Sinh ngày: 27/10/2012.

Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị T. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh là xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nếu chị T được nuôi con thì anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đồng. Hiện nay anh làm công nhân cầu đường thu nhập 6.000.000đồng/tháng. Anh đề nghị nếu chị T muốn được nuôi con thì chị T phải đổi họ và tên của con từ Lang Thị Bích Nh sang Tống Thị Ngọc B thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Lý do cháu Lang Thị Bích Nh, trong giấy khai sinh mang họ mẹ là khi chị T sinh con ở huyện Thường Xuân, chị T có điện cho anh lên khai sinh cho con, nhưng do bận nên anh không lên và chị T không khai tên bố. Anh khẳng định cháu Nh là con của anh.

- *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã tiến hành xác minh tại UBND xã Hà Bình nơi anh T sinh sống thì được biết: Anh T và chị T là vợ chồng, vợ chồng chung sống chỉ được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T tính gia trưởng, dẫn đến không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Anh T hiện làm lao động tự do, làm phụ hồ xây dựng, làm 2-3 ngày lại bỏ, không chú tâm làm ăn, thu nhập không ổn định, anh thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu đều chửi bới gia đình. Khi chị T mang thai cháu Nh, vợ chồng mâu thuẫn nên chị T đã về nhà mẹ đẻ để sinh con và ở trên đó không về nhà anh T, anh T có đưa cháu về nuôi một thời gian, bây giờ cháu ở với mẹ, T cảm vợ chồng khó đoàn tụ được. Đối với cháu Nh là con anh T, cháu là con gái và đang ở với mẹ nên cần giao cháu Nh cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp hơn.

Tại phiên Toà, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị T, xử cho ly hôn giữa chị T và anh T, về con giao cháu Lang Thị Bích Nh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng; chị T phải chịu tiền án phí DSST.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lang Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Tống Duy T đến Tòa án, nhưng không tham gia xét xử tại phiên tòa hôm nay và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 12/8/2020. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Tống Duy T và chị Lang Thị T kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T và anh T mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 12/2012 hay chửi bới cãi nhau, từ tháng 12/2012 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nên anh chị đều xin được ly hôn. Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng cả anh và chị đều xin được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu và nguyện vọng của anh chị là đều xin được ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật

HN&GD xử cho ly hôn giữa chị Lang Thị T và anh Tống Duy T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Lang Thị Bích Nh - Sinh ngày: 27/10/2012. Ly hôn chị T và anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Chị T và anh T đều có khả năng chăm sóc con tốt.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ trước tới nay anh T không quan tâm chăm sóc con, chị T vẫn chăm sóc nuôi dưỡng cháu tốt, ý kiến của cháu là xin được ở với mẹ. Theo ý kiến của địa phương thì anh T hiện làm phụ hồ xây dựng, làm 2-3 ngày lại bỏ, không chú tâm làm ăn, thu nhập không ổn định, anh thường xuyên uống rượu, mỗi lần say đều chửi bới gia đình, nên cần giao cháu Nh cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp hơn. Ngoài ra cháu là con gái cần sự chăm sóc của mẹ.

Ngoài ra, anh T cũng có nguyện vọng nếu chị T thay đổi họ và tên của con thì anh sẽ đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Thấy rằng việc mang họ cha hoặc họ mẹ là do cha mẹ thỏa thuận khai báo và đặt tên cho con nhưng sau khi sinh con chị T đã thông báo cho anh lên khai báo và đặt tên cho con nhưng anh T không lên, nên chị T đã khai tên và cháu Nh mang họ mẹ, đây cũng thể hiện việc anh không quan tâm chú trọng đến con. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GD giao cháu Nh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đồng và anh T cũng đồng ý mức cấp dưỡng này. Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của anh, chị và mức cấp dưỡng anh, chị đưa ra cũng phù hợp với thu nhập cũng như mức sống hiện nay. Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2020 đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lang Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị T phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Anh Tống Duy T phải chịu tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lang Thị T và anh Tống Duy T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu:

Lang Thị Bích Nh - Sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012.

2.1. Giao con chung Lang Thị Bích Nh cho chị Lang Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Tống Duy T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lang Thị T mỗi tháng là 1.000.000^d (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2020 đến khi cháu Lang Thị Bích Nh đủ 18 tuổi.

2.3. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Lang Thị T phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0009127 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ.

- Anh Tống Duy T phải chịu 300.000^d tiền án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với anh T kể từ ngày tuyên án, đối với chị T kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Bình (Ghi số hộ tịch)
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Ngọc Tuấn

